

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2020/HC-ST

Ngày: 30-9-2020

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

– ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Minh Chánh
2. Bà Nguyễn Thị Vạn

– ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

– ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Đồng Văn Nam – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2020/TLST-HC ngày 03 tháng 02 năm 2020 về “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2020/QĐXXST-HC ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 214/2020/QĐST-HC ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. ***Người khởi kiện:*** Ông Trần Văn B, sinh năm: 1962

Địa chỉ: Số D4/1 ấp M, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Bà Phạm Bùi Diễm S, sinh năm: 1995

Địa chỉ: Số E8/3 đường T, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh;
là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện

(Văn bản ủy quyền ngày 06/01/2020)

(Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Sơn L – Luật sư của Công ty Luật hợp danh N thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ: Số F7/16 đường H, ấp X, xã V, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Lại Hữu H1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện

(Văn bản ủy quyền số 522/QĐ-UBND ngày 20/5/2020)

(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Đặng Tấn T1 – Chức vụ: Công chức địa chính, xây dựng, nông nghiệp và môi trường xã Vĩnh Lộc A; Địa chỉ: A5/16 khu phố O, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/01/2020; đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 23/7/2020; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Phạm Bùi Diễm S trình bày:

Ông Trần Văn B hiện nay có sử dụng các phần đất: Phần đất có diện tích là 3.999,2m² thuộc một phần thửa số 11, 16, 17, 19, 20, 23, 24, 25; tờ bản đồ số 02 (Theo tài liệu 02/CT-UB) tương ứng với thửa số 3, 13, 14, 24, 25; tờ bản đồ số 02 (Theo tài liệu bản đồ địa chính) tọa lạc tại xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Phần đất có diện tích là 3.293,5m² thuộc một phần thửa số 39, 40; tờ bản đồ số 01 (Theo tài liệu 02/CT-UB) tương ứng với thửa số 29; tờ bản đồ số 01 (Theo tài liệu bản đồ địa chính) tọa lạc tại xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Phần đất có diện tích là 6.849,6m² thuộc thửa số 01; tờ bản đồ số 02 (Theo tài liệu 02/CT-UB) tương ứng với thửa số 01; tờ bản đồ số 02 (Theo tài liệu bản đồ địa chính) tọa lạc tại xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về nguồn gốc đất: Do ông nội ông B là ông Trần Văn M1 khai phá sử dụng từ rất lâu. Trong tờ kê khai đăng ký ban đầu thể hiện phần đất trên do ông nội ông B là ông Trần Văn M1 kê khai đăng ký. Sau khi giải phóng đến năm 1978, có chủ trương của chính quyền cách mạng là phải làm ăn tập đoàn, tập thể, gia đình ông B đã chấp hành và đưa phần đất vào ruộng tập đoàn sản xuất nông nghiệp để làm ăn tập đoàn, tập thể. Đến năm 1990 việc làm ăn tập đoàn sản xuất nông nghiệp làm ăn không hiệu quả và tập đoàn tan rã, ruộng ai người nấy tự canh tác và toàn bộ phần đất của gia đình ông B đưa vào tập toàn trước đây được trả về lại cho gia đình ông B và gia đình trực tiếp sử dụng phần đất này cho đến ngày hôm nay. Bây giờ ông B là người trực tiếp sử dụng canh tác phần đất này.

Phần đất hiện nay ông B sử dụng đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai, đó là đang sử dụng ổn định và có một trong các giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật Đất đai “có tên trong sổ đăng ký ruộng đất, sổ địa chính trước ngày 15/10/1993” và Điều 101 Luật Đất đai “sử dụng ổn định trước ngày 01/7/2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, được UBND

cấp xã xác định đất không tranh chấp, phù hợp quy hoạch... thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Căn cứ theo quy định tại Điều 71 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 8 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính thì khi ông B nộp đơn, hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các phần đất như trên thì Ủy ban nhân dân xã V không tiến hành xác nhận các nội dung vào đơn, không giải quyết hồ sơ là không thực hiện công việc mà pháp luật quy định phải có trách nhiệm thực hiện. Đây là hành vi trái pháp luật làm ảnh hưởng quyền lợi của ông B.

Trong văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân xã V lấy lý do không xác nhận vào đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho ông B là:

Thứ nhất: “Theo quyết định số 393/QĐ-UB ngày 03/12/1992 của UBND huyện B thì không giao trả lại cho các thành viên thuộc hộ gia tộc ông Trần Văn M 05ha ruộng đất nhà nước đã xóa tô và chia cấp cho 13 hộ nông dân được sử dụng và xây dựng các công trình công cộng, tiếp tục công nhận quyền sử dụng ruộng đất cho 13 hộ dân”.

Thứ hai: “Căn cứ theo kế hoạch số 617/HK-UB ngày 12/5/2003, công văn số 3200/UBND –TM ngày 23/5/2008 về việc phê duyệt phương án xử lý tổng thể nhà đất của UBND huyện B theo quyết định số 09/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ và theo tờ khai hiện trạng sử dụng nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước và đề xuất phương án xử lý của UBND xã ngày 01/4/2011, đồng thời tại biểu 2A phụ lục 07 danh mục nhà, đất tiếp tục rà soát pháp lý để đề xuất phương án xử lý (kê khai bổ sung đợt 2) thì vị trí khu đất là đất do nhà nước quản lý”.

Nhận thấy, các lý do Ủy ban nhân dân xã V nêu ra ở trên để từ chối việc xác nhận vào đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mà ông B nộp là không đúng quy định của pháp luật và không có cơ sở pháp lý.

Theo quy định của pháp luật về trình tự thủ tục khi giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân xã V phải xác nhận về nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất... vào đơn trước, tiếp theo đó thì Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B mới kiểm duyệt bản vẽ kiểm tra nội nghiệp và giải quyết thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng Ủy ban nhân dân xã V ban hành công văn từ chối không xác nhận nguồn gốc phần đất trong đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mà ông B nộp. Việc này dẫn đến ông B không thể tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo trong việc làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất của ông B đang quản lý, sử dụng hiện nay. Do đó, ông B nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Tuyên hành vi không xác nhận nội dung về nguồn gốc sử dụng đất vào

đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của UBND xã V đối với phần đất có diện tích là 3.999,2m² thuộc một phần thửa số 11, 16, 17, 19, 20, 23, 24, 25; tờ bản đồ số 02 (Theo tài liệu 02/CT-UB) tương ứng với thửa số 3, 13, 14, 24, 25; tờ bản đồ số 02 (Theo tài liệu bản đồ địa chính) tọa lạc tại xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; phần đất có diện tích là 3.293,5m² thuộc một phần thửa số 39, 40; tờ bản đồ số 01 (Theo tài liệu 02/CT-UB) tương ứng với thửa số 29; tờ bản đồ số 01 (Theo tài liệu bản đồ địa chính) tọa lạc tại xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; phần đất có diện tích là 6.849,6m² thuộc thửa số 01; tờ bản đồ số 02 (Theo tài liệu 02/CT-UB) tương ứng với thửa số 01; tờ bản đồ số 02 (Theo tài liệu bản đồ địa chính) tọa lạc tại xã V, huyện V, Thành phố Hồ Chí Minh là trái pháp luật và buộc UBND xã V chấm dứt hành vi trái pháp luật này, phải xác nhận nguồn gốc sử dụng đất vào đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với các phần đất trên cho ông B theo đúng quy định.

– Tuyên hành vi không xác nhận các nội dung (gồm nội dung kê khai so với hiện trạng, thời điểm sử dụng đất vào mục đích đăng ký, thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất, tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất, sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng) vào đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của UBND xã V đối với các phần đất nêu trên là trái pháp luật và buộc UBND xã V chấm dứt hành vi trái pháp luật này, phải xác nhận các nội dung vào đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với các phần đất trên cho ông B theo đúng quy định.

– Tuyên hành vi yêu cầu ông B cung cấp bản vẽ các phần đất nêu trên được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B kiểm tra nội nghiệp của UBND xã V là trái pháp luật và buộc UBND xã V chấm dứt hành vi trái pháp luật này.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Phạm Bùi Diễm S xác định do nhầm lẫn khi soạn văn bản nên xác định lại các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện như sau:

Nhập từ yêu cầu số 1 và số 2 vào là một yêu cầu, cụ thể các yêu cầu như sau:

– Tuyên hành vi không xác nhận các nội dung gồm: nội dung kê khai so với hiện trạng, nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất vào mục đích đăng ký, thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất, tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất, sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng vào đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của UBND xã V đối với phần đất có diện tích là 3.999,2m² thuộc một phần thửa số 11, 16, 17, 19, 20, 23, 24, 25; tờ bản đồ số 02 (Theo tài liệu 02/CT-UB) tương ứng với thửa số 3, 13, 14, 24, 25; tờ bản đồ số 02 (Theo tài liệu bản đồ địa chính) tọa lạc tại xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; phần đất có diện tích là 3.293,5m² thuộc một phần thửa số 39, 40; tờ bản đồ số 01 (Theo tài liệu 02/CT-UB) tương ứng với thửa số 29; tờ bản đồ số 01 (Theo tài liệu bản đồ địa chính) tọa lạc tại xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; phần đất có diện tích là 6.849,6m² thuộc thửa số 01; tờ bản đồ số 02 (Theo tài liệu 02/CT-UB) tương ứng

với thửa số 01; tờ bản đồ số 02 (Theo tài liệu bản đồ địa chính) tọa lạc tại xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh là trái pháp luật, buộc UBND xã V chấm dứt hành vi trái pháp luật này, phải xác nhận các nội dung nêu trên vào đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với các phần đất nêu trên cho ông Bắc theo đúng quy định.

– Tuyên hành vi của Ủy ban nhân dân xã V yêu cầu ông B cung cấp bản vẽ phần đất nêu trên phải được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B kiểm tra nội nghiệp là trái pháp luật và buộc Ủy ban nhân dân xã V chấm dứt hành vi trái pháp luật này.

Tại bản tự khai ngày 02/7/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Lại Hữu H1 trình bày:

Phần diện tích đất 14.142,3m² trong yêu cầu của ông Trần Văn B đã được Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 03/12/1992 về việc giải quyết tranh chấp ruộng đất tại xã V giữa các ông bà Trần Quốc T2, Trần Văn Q, Trần Văn L1, Phạm Thị T3 với 13 hộ nông dân. Theo đó, UBND huyện B quyết định “không giao trả lại cho các ông bà Trần Quốc T2, Trần Văn Q, Trần Văn L1, Phạm Thị T3 và các thành viên thuộc gia tộc ông Trần Văn M 5ha ruộng đất nhà nước đã xóa tô và chia cấp cho 13 hộ nông dân đang sử dụng và xây dựng các công trình công cộng”, “tiếp tục công nhận quyền sử dụng ruộng đất cho 13 hộ nông dân có tên sau: Lê Văn M2 – 5.000m², Phạm Văn N1 – 5.000m², Phạm Thị L2 – 5.000m², Huỳnh Văn T4 – 6.000m², Võ Văn T5 – 5.000m², Trần Văn H2 – 2.000m², Lại Thị L3 – 1.100m², Huỳnh Thị S1 – 1.700m², Lê Thị Ngọc E – 2.500m², Trần Thị R – 1.500m², Trần Văn C – 2.000m², Trần Văn L1 – 1.000m², Trần Văn V1 – 1.500m².

Theo biên bản số 122/BB-THQĐ ngày 10/11/2003 của Hội thi hành quyết định của UBND huyện B thì 13 hộ dân đồng ý thực hiện quyết định số 393/QĐ-UB ngày 03/12/1992 của Ủy ban nhân dân huyện B, các con ông Trần Văn M1 không đồng ý thực hiện quyết định. Năm 2005, Hội quản lý trật tự đô thị huyện đã thực hiện quyết định theo biên bản ngày 03/11/2005, tuy các con ông Trần Văn M1 không đồng ý thực hiện quyết định số 393/QĐ-UBD ngày 03/12/1992 của Ủy ban nhân dân huyện B nhưng tổ công tác vẫn tiến hành đến hiện trạng đo đạc cắm mốc giao đất và thu hồi phần đất trên giao UBND xã V tạm quản lý (39.263m²).

Căn cứ khoản 5 Điều 26 của Luật Đất đai năm 2013, quy định về Bảo đảm của Nhà nước đối với người sử dụng đất

“5. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.”

Căn cứ khoản 3 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013, quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đang sử dụng đất có giấy tờ về quyền sử dụng đất.

“3. Hộ gia đình, cá nhân được sử dụng đất theo bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án, văn bản công nhận kết quả hòa giải thanh, quyết định giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã được thi hành thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, trường hợp chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật”

Hiện nay, Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 03/12/1992 của Ủy ban nhân dân huyện B chưa có văn bản nào điều chỉnh, thay thế hoặc hủy bỏ, đồng thời ông Trần Văn B không nằm trong 13 trường hợp được chia cấp đất theo nội dung Quyết định 393/QĐ-UB.

Căn cứ những cơ sở nêu trên, Ủy ban nhân dân xã V chưa có cơ sở xem xét xác nhận Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất để trình các cơ quan chức năng xem xét theo thẩm quyền.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện ông Nguyễn Sơn L trình bày:

Trong văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân xã V lấy lý do để không xác nhận vào đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho ông Bắc là:

Thứ nhất: *“Theo quyết định số 393/QĐ-UB ngày 03/12/1992 của UBND huyện B thì không giao trả lại cho các thành viên thuộc hộ gia tộc ông Trần Văn M1 05ha ruộng đất nhà nước đã xóa tô và chia cấp cho 13 hộ nông dân được sử dụng và xây dựng các công trình công cộng, tiếp tục công nhận quyền sử dụng ruộng đất cho 13 hộ dân”*. Lý do như trên của UBND xã V là không đúng vì: phần đất ông B sử dụng và xin cấp giấy chứng nhận không liên quan gì đến phần đất của 13 hộ dân theo như trong Quyết định số 393, toàn bộ phần đất này từ trước tới nay chỉ có duy nhất gia đình ông B canh tác sử dụng, không có bất kỳ hộ dân nào có canh tác sử dụng trên phần đất của ông B. Phần đất của 13 hộ dân thể hiện trong Quyết định 393 theo như UBND xã V nói nằm ở đâu, vị trí nào ông B không hề biết, không liên quan đến phần đất ông B đang sử dụng và xin cấp giấy chứng nhận.

Thứ hai: *“Căn cứ theo kế hoạch số 617/HK-UB ngày 12/5/2003, công văn số 3200/UBND –TM ngày 23/5/2008 về việc phê duyệt phương án xử lý tổng thể nhà đất của UBND huyện B theo quyết định số 09/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ và theo tờ khai hiện trạng sử dụng nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước và đề xuất phương án xử lý của UBND xã ngày 01/4/2011, đồng thời tại biểu 2A phụ lục 07 danh mục nhà, đất tiếp tục rà soát pháp lý để đề xuất phương án xử lý (kê khai bổ sung đợt 2) thì vị trí khu đất là đất do nhà nước quản lý”*. Lý do như trên của UBND xã V cũng là không đúng vì nếu Ủy ban cho rằng phần đất do nhà nước quản lý tại sao gia đình ông B sử dụng qua nhiều năm nhưng nhà nước không thu hồi, không yêu cầu gia đình ông B giao trả lại cho nhà nước, không lập biên bản vi

phạm, xử phạt gia đình ông B sử dụng đất bất hợp pháp này.

Phần đất hiện nay ông B sử dụng đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai, quy định tại Điều 100 Luật Đất đai là “có tên trong sổ đăng ký ruộng đất, sổ địa chính trước ngày 15/10/1993” và Điều 101 Luật Đất đai đó là “sử dụng ổn định trước ngày 01/7/2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, được UBND cấp xã xác định đất không tranh chấp, phù hợp quy hoạch... thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Căn cứ Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai:

” 1. Người sử dụng đất nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định để làm thủ tục đăng ký.

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thực hiện các công việc như sau:

a) Trường hợp đăng ký đất đai thì xác nhận hiện trạng sử dụng đất so với nội dung kê khai đăng ký, trường hợp không có giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định này thì xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp sử dụng đất, sự phù hợp với quy hoạch...”

Căn cứ Điều 8 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Quy định về hồ sơ địa chính nộp khi thực hiện thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu:

“1. Hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu gồm có:

a) Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK;

Theo mẫu đơn đăng ký số 04/ĐK thì có phần xác nhận của UBND xã V là:

- 1. Nội dung kê khai so với hiện trạng*
- 2. Nguồn gốc sử dụng đất*
- 3. Thời điểm sử dụng đất vào mục đích đăng ký*
- 4. Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất*
- 5. Tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất*
- 6. Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng*
- 7. Nội dung khác*

Căn cứ theo quy định pháp luật như trên thì khi ông Bắc nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các phần đất như trên thì UBND xã V không tiến hành xác nhận các nội dung vào đơn, không giải quyết hồ sơ là không thực hiện công việc mà pháp luật quy định phải có trách nhiệm thực hiện. Đây là

hành vi trái pháp luật của Ủy ban nhân dân xã V làm ảnh hưởng quyền lợi của ông B.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân xã V yêu cầu ông B cung cấp bản vẽ phân đất ông Bắc xin xác nhận phải được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B kiểm tra nội nghiệp là không phù hợp với các quy định của pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT và Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Từ những cơ sở pháp lý trên, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trần Văn B, buộc Ủy ban nhân dân xã V phải chấm dứt các hành vi hành chính sai trái trên và thực hiện việc giải quyết hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của ông Trần Văn B theo đúng quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Đặng Tấn T1 trình bày:

Ông Trung thống nhất với lời khai của ông Lại Hữu H1 là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã V đã giao nộp cho Tòa án trong quá trình chuẩn bị xét xử.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

– Về tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

– Về nội dung: Căn cứ Luật Đất đai năm 2013, khoản 2 Điều 70 của Nghị định số 43/2014 ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về đối tượng khởi kiện, quyền khởi kiện: Ông Trần Văn B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ủy ban nhân dân xã V chấm dứt các hành vi hành

chính liên quan đến việc không xác nhận, hoàn trả hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Căn cứ khoản 7 Điều 22 của Luật Đất đai năm 2013 quy định trách nhiệm của nhà nước đối với đất đai về nội dung quản lý nhà nước về đất đai như sau: “*Đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*”. Như vậy, đây là loại việc khiếu kiện hành vi hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp liên quan trực tiếp đến ông B trong quá trình quản lý đất đai của chính quyền địa phương theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30 và khoản 1, Điều 115 của Luật tổ tụng hành chính.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Hành vi hành chính bị khiếu kiện là hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước cấp xã trên cùng phạm vi địa giới hành chính với Tòa án nên căn cứ vào khoản 1 Điều 31 của Luật Tổ tụng hành chính vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Ông Lại Hữu H1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A có văn bản yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 158 của Luật tổ tụng hành chính Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Hiệp.

[1.4] Về sự vắng mặt của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

Ngày 18/9/2020, Tòa án nhận được công văn số 4191/UBND ngày 15/9/2020 của Ủy ban nhân dân xã V yêu cầu ông Đặng Tấn T1 làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND xã V; căn cứ Điều 61 của Luật tổ tụng hành chính Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của người bị kiện. Ông Đặng Tấn T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 157 của Luật tổ tụng hành chính Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T1.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 16/8/2019, Ủy ban nhân dân xã V ban hành công văn số 3257/UBND gửi cho ông Trần Văn B phúc đáp hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Ngày 16/01/2020, ông Trần Văn B khởi kiện tại Tòa án. Như vậy, ông Trần Văn B nộp đơn khởi kiện trong thời hạn 01 năm kể từ ngày biết được hành vi hành chính. Do đó, thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung giải quyết yêu cầu của người khởi kiện:

[2.1] Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Phạm Bùi Diễm S xác định do không hiểu hết bản chất vụ việc khi soạn thảo văn bản nên người khởi kiện đã tách các yêu cầu khởi kiện của ông B ra làm 03 yêu

cầu, nay bà xác định nhập lại các yêu cầu khởi kiện về việc tuyên hành vi không xác nhận các nội dung gồm: nội dung kê khai so với hiện trạng, nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất vào mục đích đăng ký, thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất, tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất, sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng vào đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất vào thành một yêu cầu chung, vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện còn lại. Hội đồng xét xử xét thấy đây là việc xác định lại yêu cầu khởi kiện và nằm trong phạm vi khởi kiện ban đầu phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 173 của Luật tố tụng hành chính nên chấp nhận.

[2.2] Xét tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân xã V khi hoàn trả hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với ông Trần Văn B, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả số 7852019LVLA000103/TNHS lập ngày 10/7/2019 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện B xác định vào ngày 10/7/2019, ông Trần Văn B có nộp cho Ủy ban nhân dân xã V bộ hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm có:

– Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất có diện tích là 3.999,2m² thuộc một phần thửa số 11, 16, 17, 19, 20, 23, 24, 25; tờ bản đồ số 02 (Theo tài liệu 02/CT-UB) tương ứng với thửa số 3, 13, 14, 24, 25; tờ bản đồ số 02 (Theo tài liệu bản đồ địa chính) tọa lạc tại xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Phần đất có diện tích là 3.293,5m² thuộc một phần thửa số 39, 40; tờ bản đồ số 01 (Theo tài liệu 02/CT-UB) tương ứng với thửa số 29; tờ bản đồ số 01 (Theo tài liệu bản đồ địa chính) tọa lạc tại xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Phần đất có diện tích là 6.849,6m² thuộc thửa số 01; tờ bản đồ số 02 (Theo tài liệu 02/CT-UB) tương ứng với thửa số 01; tờ bản đồ số 02 (Theo tài liệu bản đồ địa chính) tọa lạc tại xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh;

– Bản sao bản vẽ hiện trạng vị trí số hợp đồng 079Đ/VLA-/CTY.ĐL 04/2018 do Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Xây dựng Thiết kế Đo đạc D lập ngày 20/4/2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ nộp đăng ký cấp giấy chứng nhận như sau:

“1. Hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu gồm có:

a) Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK;

b) Một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính

phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (sau đây gọi là Nghị định số 43/2014/NĐ-CP) đối với trường hợp đăng ký về quyền sử dụng đất;

c) Một trong các giấy tờ quy định tại các Điều 31, 32, 33 và 34 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP đối với trường hợp đăng ký về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Trường hợp đăng ký về quyền sở hữu nhà ở hoặc công trình xây dựng thì phải có sơ đồ nhà ở, công trình xây dựng (trừ trường hợp trong giấy tờ về quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng đã có sơ đồ phù hợp với hiện trạng nhà ở, công trình đã xây dựng);

d) Báo cáo kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất đối với trường hợp tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo đang sử dụng đất từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 theo Mẫu số 08/ĐK;

đ) Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính; giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất (nếu có);...

Như vậy, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã khi tiếp nhận hồ sơ thì xác định người đang xin đăng ký theo quy định của Điều 100 của Luật đất đai năm 2013 hay thuộc trường hợp người dân nộp hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 101 Luật đất đai năm 2013.

Tuy nhiên, đến ngày 16/8/2019, Ủy ban nhân dân xã V ban hành công văn số 3257/UBND gửi cho ông Trần Văn B phúc đáp hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất với nội dung trả lời như sau:

“Vị trí khu đất đo đạc xin cấp giấy chứng nhận tại bản vẽ số 081/ĐL/CTY.ĐL 04/2018, 088/ĐL/CTY.ĐL 04/2018, 079/ĐL/CTY.ĐL 04/2018 ngày 18/04/2018 của Công ty cổ phần DV-TM-XD-TK-ĐD D lập chưa được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B kiểm tra nội nghiệp.

Do đó, UBND Xã chưa có cơ sở xem xét đề xuất hồ sơ cấp Giấy chứng nhận của ông/bà. Ủy ban nhân dân xã V đề nghị ông/bà liên hệ Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai kiểm tra nội nghiệp bản vẽ trước khi UBND xã xem xét giải quyết hồ sơ theo quy định pháp luật kính chuyển đến ông Trần Văn B được biết, đề nghị ông (bà) liên hệ bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ Ủy ban nhân dân xã V để nhận lại hồ sơ”.

Ngày 25/12/2019, Ủy ban nhân dân xã V ban hành công văn số 5367/UBND gửi cho ông Trần Văn B phúc đáp đơn đề nghị xác nhận nguồn gốc sử dụng đất với nội dung:

“...Căn cứ theo kế hoạch số 617/HK-UB ngày 12/5/2003, công văn số 3200/UBND –TM ngày 23/5/2008 về phê duyệt phương án xử lý tổng thể nhà đất của UBND huyện B theo quyết định số 09/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ và theo tờ khai hiện trạng sử dụng nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước và đề xuất phương án xử lý của UBND xã ngày 01/4/2011, đồng thời tại biểu 2A phụ lục 07 danh

mục nhà, đất tiếp tục rà soát pháp lý để đề xuất phương án xử lý (kê khai bổ sung đợt 2) thì vị trí khu đất là đất do nhà nước quản lý.

Do đó, Ủy ban nhân dân xã không thể xác nhận nguồn gốc theo đơn đề nghị của ông (bà) được.

Nay Ủy ban nhân dân xã phúc đáp cho ông (bà) được biết, đề nghị liên hệ Tổ tiếp nhận và trả kết quả để nhận lại hồ sơ”.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc ông Trần Văn B liên hệ Ủy ban nhân dân xã V nộp hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là để thực hiện quyền của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 2 Điều 70 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ có quy định:

“2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thực hiện các công việc như sau:

a) Trường hợp đăng ký đất đai thì xác nhận hiện trạng sử dụng đất so với nội dung kê khai đăng ký; trường hợp không có giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định này thì xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp sử dụng đất, sự phù hợp với quy hoạch.

Trường hợp đăng ký tài sản gắn liền với đất thì xác nhận hiện trạng tài sản gắn liền với đất so với nội dung kê khai đăng ký; trường hợp không có giấy tờ quy định tại các Điều 31, 32, 33 và 34 của Nghị định này thì xác nhận tình trạng tranh chấp quyền sở hữu tài sản; đối với nhà ở, công trình xây dựng thì xác nhận thời điểm tạo lập tài sản, thuộc hay không thuộc trường hợp phải cấp phép xây dựng, sự phù hợp với quy hoạch được duyệt; xác nhận sơ đồ nhà ở hoặc công trình xây dựng nếu chưa có xác nhận của tổ chức có tư cách pháp nhân về hoạt động xây dựng hoặc hoạt động đo đạc bản đồ;

b) Trường hợp chưa có bản đồ địa chính thì trước khi thực hiện các công việc tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo cho Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện trích đo địa chính thửa đất hoặc kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất do người sử dụng đất nộp (nếu có)”.

Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo trường hợp bản đồ của ông B cho Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện trích đo địa chính thửa đất hoặc kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất mà ông B đã nộp là của Ủy ban nhân dân xã V.

[2.3] Hội đồng xét xử xét lý do Ủy ban nhân dân xã V hoàn trả hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Trần Văn B.

Theo quy định tại khoản 11 Điều 7 của Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ tài nguyên và môi trường có quy định các trường hợp từ chối hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm:

“Điều 11a. Từ chối hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Việc từ chối hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được thực hiện khi có một trong các căn cứ sau:

- a) Không thuộc thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ;*
- b) Hồ sơ không có đủ thành phần để thực hiện thủ tục theo quy định;*
- c) Nội dung kê khai của hồ sơ không đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất và hợp lệ theo quy định của pháp luật;*
- d) Thông tin trong hồ sơ không phù hợp với thông tin được lưu giữ tại cơ quan đăng ký hoặc có giấy tờ giả mạo;*
- đ) Khi nhận được văn bản của cơ quan thi hành án dân sự hoặc Văn phòng Thừa phát lại yêu cầu tạm dừng hoặc dừng việc cấp Giấy chứng nhận đối với tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất là đối tượng phải thi hành án theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự hoặc văn bản thông báo về việc kê biên tài sản thi hành án; khi nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai về việc đã tiếp nhận đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất;*
- e) Không đủ điều kiện thực hiện quyền theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.*

2. Trường hợp có căn cứ từ chối hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp Giấy chứng nhận, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải có văn bản trong đó nêu rõ lý do từ chối và hướng dẫn người nộp hồ sơ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, gửi văn bản kèm theo hồ sơ cho người nộp hoặc chuyển văn bản và hồ sơ đến bộ phận một cửa, Ủy ban nhân dân cấp xã để trả lại cho người nộp.”

Như vậy, căn cứ theo các quy định nêu trên việc Ủy ban nhân dân xã V yêu cầu ông Trần Văn B phải nộp bổ sung bản vẽ có kiểm tra nội nghiệp mới có cơ sở giải quyết hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không phù hợp với các quy định của pháp luật, đây không phải là các tài liệu, giấy tờ quy định bắt buộc ông B phải có khi thực hiện thủ tục xác nhận vào đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và lý do hoàn trả hồ sơ của Ủy ban nhân dân xã V cũng không nằm trong các trường hợp được quyền từ chối hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[2.4] Do đó, hành vi không xác nhận, hoàn trả lại hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Ủy ban nhân dân xã V đối với ông Trần Văn B là trái pháp luật.

[3] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Từ những phân tích, nhận định nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B và lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đối với Ủy ban nhân dân xã V là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trần Văn B được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 348 của Luật tố tụng hành chính khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì người bị kiện Ủy ban nhân dân xã V, huyện B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm, người khởi kiện ông Trần Văn B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3, khoản 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; khoản 1 Điều 115; khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; Điều 164; Điều 193; Điều 194; Điều 206 và khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính;

Điều 99, Điều 100, Điều 101 và Điều 166 của Luật đất đai năm 2013;

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai;

Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trần Văn B đối với người bị kiện Ủy ban nhân dân xã V về khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai thuộc trường hợp hoàn trả hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

1.1. Tuyên bố hành vi từ chối hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do thiếu bản vẽ có kiểm tra nội nghiệp của Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh đối với ông Trần Văn B là trái pháp luật.

1.2. Buộc Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện việc giải quyết hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Trần Văn B theo đúng quy định pháp luật.

2. Về án phí:

2.1. Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

2.2. Hoàn trả lại cho ông Trần Văn B số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0078506 ngày 17/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người khởi kiện có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị kiện có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khương